

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2593/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất
năm 2023 huyện Định Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số
điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh
quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 31/8/2023 của Hội đồng nhân
dân tỉnh Thái Nguyên về việc Nghị quyết thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục
các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng
phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 09/5/2023 của Ủy ban nhân dân
tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Định
Hóa thời kỳ 2021-2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
636/TTr-STNMT ngày 29 tháng 9 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện
Định Hóa với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ bổ sung trong năm kế hoạch:
Tổng diện tích các loại đất phân bổ bổ sung năm 2023 là 3,30 ha.

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

2. Kế hoạch thu hồi bổ sung các loại đất:

Tổng diện tích thu hồi đất bổ sung năm 2023 là 3,30 ha.

(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo)

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung:

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung năm 2023 là 2,33 ha

(Chi tiết tại phụ lục III kèm theo)

4. Danh mục các công trình, dự án bổ sung:

Tổng số công trình, dự án thực hiện bổ sung năm 2023 là 01 dự án, với diện tích sử dụng đất là 3,30 ha.

(Chi tiết tại phụ lục IV kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có liên quan, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật;

3. Đối với các dự án có chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên, Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo UBND tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trước khi thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

4. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Tiến

Phụ lục I

Diện tích các loại đất phân bổ bổ sung năm 2023 huyện Định Hóa
(Kèm theo Quyết định số 2593/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2023
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

| STT | Chỉ tiêu sử dụng đất | Tổng diện tích | Diện tích phân theo đơn vị hành chính |
|----------|---|----------------|---------------------------------------|
| | | | Xã Phú Đình |
| 1 | Đất nông nghiệp | | |
| 1.1 | Đất trồng lúa | | |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | | |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | | |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | | |
| 1.5 | Đất rừng đặc dụng | | |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | | |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thủy sản | | |
| 1.8 | Đất nông nghiệp khác | | |
| 2 | Đất phi nông nghiệp | 3,30 | 3,30 |
| 2.1 | Đất ở nông thôn | | |
| 2.2 | Đất ở đô thị | | |
| 2.3 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | | |
| 2.4 | Đất an ninh | | |
| 2.5 | Đất quốc phòng | | |
| 2.6 | Đất xây dựng công trình sự nghiệp | | |
| 2.7 | Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp | | |
| 2.8 | Đất có mục đích công cộng | 3,30 | 3,30 |
| 2.9 | Đất cơ sở tôn giáo | | |
| 2.10 | Đất cơ sở tín ngưỡng | | |
| 2.11 | Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng | | |

| | | | |
|----------|----------------------------------|--|--|
| 2.12 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | | |
| 2.13 | Đất có mặt nước chuyên dùng | | |
| 2.14 | Đất phi nông nghiệp khác | | |
| 3 | Đất chưa sử dụng | | |

Phụ lục II**Kế hoạch thu hồi đất bổ sung năm 2023 huyện Định Hóa**

(Kèm theo Quyết định số 2593/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2023
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

| STT | Chỉ tiêu sử dụng đất | Tổng diện tích | Diện tích phân theo đơn vị hành chính |
|----------|--|----------------|---------------------------------------|
| | | | Xã Phú Đình |
| 1 | Đất nông nghiệp | 2,33 | 2,33 |
| 1.1 | Đất trồng lúa | 0,07 | 0,07 |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | 0,12 | 0,12 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | 0,43 | 0,43 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | | |
| 1.5 | Đất rừng đặc dụng | | |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | 1,66 | 1,66 |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thủy sản | 0,05 | 0,05 |
| 1.8 | Đất nông nghiệp khác | | |
| 2 | Đất phi nông nghiệp | 0,97 | 0,97 |
| 2.1 | Đất ở nông thôn | 0,25 | 0,25 |
| 2.2 | Đất ở đô thị | | |
| 2.3 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | | |
| 2.4 | Đất an ninh | | |
| 2.5 | Đất quốc phòng | | |
| 2.6 | Đất xây dựng công trình sự nghiệp | 0,29 | 0,29 |
| 2.7 | Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp | | |
| 2.8 | Đất có mục đích công cộng | 0,10 | 0,10 |
| 2.9 | Đất cơ sở tôn giáo | | |

| | | | |
|----------|---|------|------|
| 2.10 | Đất cơ sở tín ngưỡng | | |
| 2.11 | Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng | | |
| 2.12 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | 0,33 | 0,33 |
| 2.13 | Đất có mặt nước chuyên dùng | | |
| 2.14 | Đất phi nông nghiệp khác | | |
| 3 | Đất chưa sử dụng | | |

Phụ lục III
Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung năm 2023
huyện Định Hóa

(Kèm theo Quyết định số 2593/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2023
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

| STT | Chỉ tiêu sử dụng đất | Tổng diện tích | Diện tích phân theo đơn vị hành chính |
|----------|---|----------------|---------------------------------------|
| | | | Xã Phú Đình |
| 1 | Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp | 2,33 | 2,33 |
| 1.1 | Đất trồng lúa | 0,07 | 0,07 |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | 0,12 | 0,12 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | 0,43 | 0,43 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | | |
| 1.5 | Đất rừng đặc dụng | | |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | 1,66 | 1,66 |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thủy sản | 0,05 | 0,05 |
| 1.8 | Đất nông nghiệp khác | | |
| 2 | Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp | | |
| | <i>Trong đó:</i> | | |
| 2.1 | Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm | | |
| 2.2 | Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng | | |
| 2.3 | Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản | | |
| 2.4 | Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối | | |
| 2.5 | Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản | | |
| 2.6 | Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối | | |

| | | | |
|-----|--|--|--|
| 2.7 | Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng | | |
| 2.8 | Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng | | |
| 2.9 | Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng | | |

Phụ lục IV
Danh mục 01 công trình, dự án bổ sung kế hoạch sử dụng đất
năm 2023 trên địa bàn huyện Định Hóa
(Kèm theo Quyết định số 2593/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2023
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

| TT | Tên công trình dự án sử dụng đất | Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện) | Diện tích (ha) | Trong đó sử dụng từ loại đất | | | |
|----|--|--|----------------|------------------------------|-------------------|-------------------|-------------|
| | | | | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | Đất rừng đặc dụng | Đất khác |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | TỔNG CỘNG | | 3,30 | 0,07 | | | 3,23 |
| 1 | Tu bổ, tôn tạo Di tích lịch sử địa điểm đền Pụ Đồn (đền Phong Tướng) | Xã Phú Đình, huyện Định Hóa | 3,30 | 0,07 | | | 3,23 |